BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆNCÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI XÃ IA RBOL, THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Báo cáo số: 124/BC-UBND ngày 20/11/2018 của UBND xã Ia Rbol)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
I. QUY HOẠCH						
1	**Quy hoạch**	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn		Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	**Giao thông**	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	%	100%	2,9km /2,9km	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	%	≥ 70%	17,2km/ 18 km	Đạt
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	%	100%	3,5km /3,5 km	Đạt
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	%	≥ 70%	1,63km /2 km	Đạt
3	**Thủy lợi**	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Đạt	Đạt 100%	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt	Đạt	Đạt
4	**Điện**	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥98%	934/936 hộ (99,8%)	Đạt
5	**Trường học**	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥ 70%	70%	Đạt
6	**Cơ sở vật chất văn hóa**	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%	7/7 (100%)	Đạt
7	**Cơ sở hạ**	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt	Đạt	Đạt

	tầng thương mại nông thôn					
8	**Thông tin và Truyền thông**	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành		Đạt	Đạt	Đạt
9	**Nhà ở dân cư**	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥ 75%	892/936 hộ (95,3%)	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	**Thu nhập**	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2018 *(triệu đồng/người)*	Triệu đồng	35 Triệu	35,9 Triệu	Đạt
11	**Hộ nghèo**	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤ 7%	50/936 hộ (5,3 %)	Đạt
12	**Lao động có việc làm**	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%	2898/3194(90,7 %)	Đạt
13	**Tổ chức sản xuất**	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt	Có HTX	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	**Giáo dục**	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	%	≥ 70%	45/45 (100%)	Đạt
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥ 25%	891/2898 (30,7 %)	Đạt
15	**Y tế**	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	Đạt	4490/4680 (95,5%)	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤ 31,4%	6,3%	Đạt
16	**Văn hóa**	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	%	≥70%	7/7 (100%)	Đạt
17	**Môi**	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	≥95%	886/936	Đạt

	trường và an toàn thực phẩm	và nước sạch theo quy định		(≥60% nước sạch)	(95%) 880/936 (94%)	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	5/5 (100%)	Đạt	Đạt
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥70%	707/936 hộ (75,5%)	Đạt
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥60%	869/936 (92,8%)	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%	Đạt 100%	Đạt
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	**Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật**	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt	21/22	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	%	100%	5/5 (100%)	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt	Đạt	Đạt
19	**Quốc phòng và An ninh**	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt	Đạt	Đạt